

Lãng Nhân

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)



Giới thiệu

Văn học sử Việt Nam ta có ghi ba nữ sĩ nổi danh: Đoàn Thị Điểm, Bà huyện Thanh Quan (tương truyền tên là Nguyễn Thị Hính) và Hồ Xuân Hương. Trong đó Xuân Hương không trội tiếng nhất thì cũng là vị tài nữ dị thường hơn cả. Dị thường đến độ tác phẩm được cái vinh dự ít có, là bị khai trừ trong hầu hết các sách giáo khoa! Vì thi văn của nàng, nếu cho là phóng đãng, thì phẩm-từ này chỉ là lối nói xuôi đờ đòn mà thôi... Hơn nữa, thời đại nàng sống đâu đã đến đòi phong bại tục quá cỡ, khiến sui - hay giải thích - sự táo bạo của văn nghệ sĩ!

Tuy không tìm ra được bằng chứng xác thực về năm sinh của nữ sĩ, song cũng có một vài mốc giúp ta suy luận được: Xuân Hương sống cùng thời với những người tiếng tăm, như Phạm Đình Hổ, tác giả nhiều sách giá trị và như Nguyễn Huệ - bậc anh hùng đại thắng quân Tàu năm 1788. Nguyễn Huệ sinh năm 1752. Phạm Đình Hổ năm 1768.

Nguyễn Huệ nguyên họ Hồ tên tục là Thơm, con của Hồ Phi Phúc, cùng quê ở Nghệ An với Hồ Phi Diễn, thân phụ Hồ Xuân Hương, Cùng quê, cùng họ,

nếu suy ra là thân thích với nhau, e mang tiếng cho nhà giàu vay thêm! Xem năm sinh của Phạm Đình Hổ và của Hồ Thơm, chúng ta có thể đoán già là Xuân Hương đã chào đời trong khoảng 1770 - 1775.

Mấy khoa hương thi không đậu cả, Hồ Phi Diễn đương là nho sinh, xoay làm thầy đồ dạy trẻ mà cũng thấy khó sống trong đất Nghệ đồng cháy cỏ khô, nên phải lang thang ra Bắc, để vợ ở quê coi mồ mã gia tiên. Bảo bọc ít lâu ở tỉnh Hải dương, bấy giờ đã ngoài bốn mươi, ông gá nghĩa với một bà họ Hà cũng chừng ba chục. Bà này chuộng cai phong độ nhà nho, lại thấy vẻ người hiền lành nhã nhặn, nên chịu làm vợ lẽ miễn là được sống riêng với chồng.

Ở tỉnh nhỏ nghe cũng khó mưu sinh ông đồ đem vợ mới về Thăng Long để kiếm chỗ dạy đông trẻ hơn. Ông tìm được ngôi nhà rộng rãi ở phường Khán Sơn ven Hồ Tây (vùng vườn Bách Thú ngày nay, nơi này hiện còn đài Khán Xuân). Người lối xóm ai cũng mến ông là người có tác phong đạo đức, lại nghe giọng nói trọt ọt nên thường gọi là ông đồ Nghệ chứ không nêu tên. Chính ở khu ngoại thành "cỏ cây chen đá lá chen hoa" này, Xuân Hương đã chào đời vào một ngày mùa xuân. Hai chữ tên là cha đặt cho, lấy nghĩa hương mùa xuân và cũng là hương trên đài Khán xuân.

Ông đồ Nghệ sáu năm sau đó bỗng từ trần vì một cơn bạo bệnh, để lại vợ con trong hoàn cảnh nghèo nàn. Nhưng bà đồ là người đảm đang, tuy vất vả về mưu sinh nhưng không ngần ngại cho con gái theo đòi bút nghiên để giữ cốt cách con nhà: giấy rách còn lành không như thói thường, sợ con gái học chữ dễ hư thân. Nhờ vậy mà Xuân Hương được góp mặt trong làng văn tự, đem thiên tài tô điểm cho ngôn ngữ nước ta thêm phần bóng bảy tinh vi, cho tư tưởng dân ta đỡ phần giáo điều cứng nhắc.

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

TÀI HOA CHÓM NỞ

Một thiếu nữ được nhiều nho sĩ đương thời cảm mến, ắt là có tài lỗi lạc đã đành, nhưng ai cũng nghĩ, và cũng muốn, cô có dung nhan cá lặn nhận sa nữa, cho lương toàn hương sắc. Hay đâu tạo hóa thường ghét chư toàn nên ai được chỗ này lại hỏng chỗ kia!

Theo tục truyền thì Xuân Hương có nước da ngăm ngăm, má điểm đây đó vài nụ rỡ hoa. Tính nàng ngay thẳng, gặp ai ăn ý thì nói năng duyên dáng mặn mà, nhưng lại không thể không điều cốt đôi khi sẵn sàng đối với những anh hay chữ lỏng mà vênh vang tự đắc.

Thiên tư đỉnh ngộ, học một hiểu mười, nên được thầy yêu bạn nể, nàng lại rộng xem những sách sử ông đồ Nghệ để lại nên mới 13, 14 tuổi đầu mà vốn học uần súc ít ai bì kịp. Điều làm cho người ta kính dị là nàng xuất khẩu thành chương, khó có người dám cùng nàng xướng họa.

Một buổi trưa nóng bức nàng ngồi chơi ở hàng hiên trường học, ngọn gió hiu hiu làm cho thêm thiếp ngủ quên, khăn áo có hơi xóc xếch. Ba bốn cậu học sinh xúm lại, chỉ trỏ cười đùa làm nàng chột tỉnh. Thế là không chút thẹn thò, cũng không hờn dỗi, nàng đọc ngay tám câu chỉnh chệch luật Đường:

Trưa hè, hây hây gió nồm đông

*Thiếu nữ nằm chơi, giải giấc nồng
Lược trúc biếng cài trên mái tóc
Yếm đào trễ xuống dưới nương long
Đôi gò bông đào sương còn ngậm
Một lạch Đào nguyên suối chứa thông
Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt
Đi thì cũng dở, ở không xong...*

Mà ở không xong thật, vì Xuân Hương thừa biết mây anh này chỉ hay quấy phá chứ không có tài họa thơ. Có tài họa thơ là mấy anh học giỏi nói năng hoạt bát, thường tụ hội với Xuân Hương để bàn luận văn chương ở sân trường, những khi thầy nghỉ trưa hay đi vắng.

Họ thường kháo nhau các chuyện thời sự ở đó đây để gợi hứng cùng nhau ngâm vịnh, và đều đồng ý là dùng tiếng nôm trước hết để đỡ mệt óc sau những giờ nghiền chữ Hán, và để nuôi cái cao vọng phát huy những trạng từ linh động để tỏ rằng tiếng ta hay hơn chữ tàu.

Về quan điểm này, một anh phát biểu:

- Nhất định hay hơn. Không phải "dù trong dù đục, ao nhà vẫn hơn" mà ao nhà nhất định là trong. Tôi thử đọc anh em nghe bài thơ vịnh cảnh tát nước mà chị Hương làm hôm nọ:

*Đang khi nắng rực chữa mưa tè
Rủ chị em ra tát nước khe
Lẽo đẽo chiếc gầu ba góc chụm
Lênh đênh một ruộng bốn bờ be
Xi xòm đáy nước đầu nghiêng ngửa
Nhấp nhồm bên ghènh dít vắt ve
Ham việc làm ăn quên cả nhọc
Dạng hang một lúc đã đầy phè...*

Không nói đến nhưng ẩn ý nằm trong các chữ nắn, cực, tề, khe, ba góc, dạng hang, đầy phè thử hỏi có chữ Hán nào dịch nổi lẽo đẽo, lênh đênh, xì xòm, nhấp nhô, nghiêng ngửa, vất ve không nào?

Được anh em tán đồng, Xuân Hương cao hứng nói:

- Các anh quá khen đấy chứ, mấy câu tục tằn ấy có đáng gì!
- Đố tục mà giảng thanh mới thú chứ!
- Em chỉ muốn nói rằng nếu ta định dùng nôm thay chữ, thì ta phải học hỏi lẫn nhau để dùng tiếng nôm cho đúng cách. Em đọc thử câu này để phiên các anh họa cho:

Lượng cả xin anh chớ hẹp hòi

Không nói anh cũng rõ là trong câu họa cấm dùng chữ hẹp trước vần hòi đấy nhé!

Thì làm gì có tiếng nào khác đi với hòi?

Một anh bèn gỡ bí bằng cách nói lái:

Xích lại gần đây tớ thăm hòi!

Và thách Xuân Hương hạ được trót lọt một câu vần uông.

Lại không có chữ nào đi với uông cho có nghĩa.

Xuân Hương tìm ra lối thoát:

Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông

Nó bảo nhau rằng ấy ái uông!

Kể ra xuôi đấy, nhưng có người chê: đứng trước cái chuông mà không nói được câu gì hay hơn là đấy cái chuông, thì ra đã ngọng còn thêm đàn độn...

Một hôm, trong buổi họp, có anh nhắc lại câu chuyện thầy vừa mới kể. Khi cụ trạng Mạc Đình Chi sang sứ Trung Hoa, vua Tàu thử tài, cho thị vệ cầm chiếc quạt gió lên và đánh một tiếng trống, tức là ra đầu đề vịnh cái quạt. Cụ trạng viết: chảy vàng nung đá, trời đất như lò lửa, người vào lúc ấy đặc dụng

như Y, Chu; Gió bắc lạnh lùng, mưa tuyết đầy đường, người vào lúc ấy, chết
đói như Di, Tề – Thêm câu trong luận ngữ: ai dùng thì làm, không thì để đó,
chỉ người với ta có như thế ư?

Và phê bình

- Luận về cái quạt như thế thật là thấu đáo: hành tàng là thái độ quân tử của
nhà nho.

- Nhưng đây là về triết lý. Còn về phần tả thực tưởng cũng nên nói ra cho
rành rẽ, cách vật mà...

- Phần này dành cho chị Hương nhé! Chỉ có chị mới làm được ra trò...

Xuân Hương mỉm cười:

- Các anh chớ quá khen...

Ngừng giây lát, nàng nói:

- Cầm cười đây!

Rồi chậm rãi ngâm:

Một lỗ sâu, xâu mấy cũng vừa

Duyên em dính dán từ ngày xưa

Vành ra ba góc khuôn còn méo

Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa

Mắt mặt anh hùng khi tắt gió

Che đầu quân tử lúc sa mưa

Nâng niu uớt hỏi người trong trướng

Phành phạch đêm ngày đã sưng chưa?

Mấy anh bàn tán:

- Hay, hay quá! Lại đúng nữa! Hai chữ sâu, xâu, thật tuyệt, vừa là sâu hoắm
lại vừa xâu cái nan quạt. Khép lại thì giữa là cái nan hai bên giấy chả thừa ra
là gì! Có điều ê cho mặt anh hùng với đầu quân tử... Nhưng đến lúc phành
phạch thì quên hết!

Xuân Hương cười:

- Để em làm bài khác tạ lỗi với anh hùng quân tử vậy:

Mười bảy hay là mười tám đây?

Cho ta yêu dấu chẳng rời tay

Mỏng dày chùng ẩy tránh ba góc

Rộng hẹp nhường nào cấm một cây

Lúc nóng bao nhiêu bù lúc mát

Ban đêm chưa phỉ lại ban ngày

Hồng hồng má phấn duyên vì cây

Chúa dẫu vua yêu một cái này...

Mấy anh lại trầm trồ:

- Mỏng, dày, rộng, hẹp, những ước lượng thật lý thú. Nhưng hay nhất trong bài là chữ cây. Vừa là nhựa quả cây để phát cho giấy dính vào nan quạt, lại vừa là cây có cái để vua yêu. Cái quạt của chị ghê gớm thật...

Xuân Hương thường vui vẻ khiêm nhường với những bạn văn thơ, nhưng lại ghét cay ghét đắng những anh chàng hay chữ lông mà hay khoe mẽ. Mỗi lần gặp mặt là xỉ vả hết lời:

Khéo khéo đi đâu lữ ngẩn ngơ

Lại đây cho chị dạy làm thơ

Ong non ngứa nọc châm hoa rữa

Dê cón buồn sừng húc giậu thưa...

Có lần đi dạo cảnh chùa Chân Quốc ở đường Cổ Ngư ven Hồ Tây, nàng thấy mấy thanh niên cầm bút viết một bài thơ lên vách chùa, ra bộ ngông nghênh tự đắc, liền dừng chân, liếc mắt, tòm tĩm cười, rồi ngâm:

Dắt díu nhau lên đến cửa thiền

Cũng đòi học nói, nói không nên

Ai về nhắn bảo phường lời tói

Muốn sống đem vui quét trả đền!

Tiếng ngâm vừa dứt, quay lại nhìn, thì mấy ông thi sĩ non đã biến đâu mất dạng...

* * *

Chùa Chấn Quốc là một cảnh chùa ở nơi hẻo lánh xa chốn phồn hoa, sư cụ với sư thầy đều cao tuổi, có học vấn lại có đạo hạnh, nên Xuân Hương rất kính trọng, thường lui tới vàng hương. Còn nàng không ưa những vị sư trẻ ở kinh đô vì phần nhiều thuộc thành phần trốn việc quan đi ở chùa, ít chữ nghĩa mà nhiều tham vọng, chỉ khéo luồn lọt nơi cửa quyền để chiếm những ngôi chùa đẹp, đông khách thập phương, cho dễ no cơm ấm áo. Trông bọn họ múa may, nàng có thơ diễu:

Chẳng phải Ngô mà chẳng phải Ta

Đầu thì trọc lóc, áo không tà

Oản dâng trước mặt dăm ba phẩm

Vãi nắp sau lưng sáu bảy bà

Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe

Giọng hì, giọng hỉ, giọng hi ha

Tu lâu có lẽ lên sư cụ

Ngất nghèo tòa sen nọ đó mà!

Diễu cợt, bóng gió, nằm trong bốn câu sau. Rõ rệt nhất là câu ví: Ngất nghèo không cùng hình dáng với ngất ngưỡng và tòa sen nọ khác với tòa sen kia?

* * *

Đầu sư cạo nhẵn mà vô ý bị ong đốt, cũng là đầu đề cho bài thơ chế nhạo không nề thô tục:

Nào nón tu lơ, nào mũ thâm

Di đâu chẳng đội, để ong châm

Đầu sư há phải gì bà cốt

Bá ngọc con ong bé cái làm!

* * *

Cái trò no ắm cật dễ khiến một vài vị đeo tiếng hổ mang khiến Xuân Hương
trở tài nói lái:

Cái kiếp tu hành nặng đá đeo

Vị gì một chút tẻo tèo teo

Bè từ muốn ghé về Tây Trúc

Trái gió cho nên phải lộn lèo!

* * *

Chùa Quán sứ nguyên là nơi công quán để đón tiếp sứ thần nước ngoài.

Công quán sau thiên di một nơi đẹp dễ hơn, ngôi nhà cũ được sửa sang lại
thành chùa trông cũng khang trang, song gặp buổi loạn ly, ít ai săn sóc đến,
nên Xuân Hương có hai bài cảm hoài:

I

Quán sứ sao mà cảnh vắng teo!

Hỏi thăm sư cụ đảo nơi neo?

Chày kinh, tiểu để xuống không đảm

Tràng hạt, vãi lần, đếm lại đeo

II

Sáng ban không kẻ khua tang mít

Trưa trệt nào ai móc kẽ rêu

Cha kiếp đường tu sao lắt léo?

Cảnh buồn thêm ngán nợ tình đeo...

Xuân Hương thường ngày, tùy cảnh, tùy người, tùy hứng, xuất khẩu thành
thơ, bài nào cũng một giọng đùa ý nhị, trôi chảy như một lèo mà vẫn đóng
khung trong niêm luật nghiêm chỉnh, là điều khó khăn ít ai vượt được
Những bài đặc ý được các bạn ưa ngâm nga trong lúc quần tam tụ ngũ,

người nọ truyền tai người kia, thành ra chẳng bao lâu nhà quê kẻ chợ, không đâu không thuộc. Đám trung niên rất tán thưởng lời thơ bóng gió tài tình. Người lớn tuổi ở chỗ đông thì chê là lảng lơ, đòi truy, nhưng khi vắng lại thích thú khen thầm. Dù sao, khen hay chê cũng gây nên tiếng tăm hay tai tiếng, đi xa về gần, rốt cuộc rồi đến tai bà đồ. Bà đâm lo ngại, nhất là khi thấy con trong tuổi dậy thì, mỗi ngày thêm phần duyên dáng nên nghĩ rằng cho theo đòi chữ nghĩa để giữ nếp nhà thế cũng là đủ và bảo nàng nghỉ học. Nhiều người thấy nàng thướt tha óng ả cũng muốn tới làm quen nhưng đều ngán cái tính nàng đánh đá và khẩu khí miễn tiện.

Thật ra, lời thơ tuy có vẻ buông thả và tỏ ra sự thấy biết rành rẽ về những oái ăm của tình cảm, song hình như phẩm hạnh giai nhân không chệch ra ngoài gia huấn, vì nàng giữ giá nên đứng đỉnh làm cao. Thái độ ấy đối với con nhà văn tự là một khiêu khích đáng yêu, nhưng với kẻ phàm phu lại làm họ bất mãn rồi hằn học đến nỗi phao vu là ái nam ái nữ, khiến nàng bức mình, thảo ra bài sau đây:

Tự Tình Ca

*Khi canh cửa, lúc ngồi thư thả
Ngắm sự đời buồn bã gớm ghê
Âm dương lẩy đổ mà suy
Côn trùng còn thế, huống chi là người
Nghĩ chán thay những lời đặt để
Đặt nên lời nói kể những câu
Nguồn đào khe đổ có đâu
Khóa bưng lấp cửa công hầu bấy nay
Khi thông thả mặt mày ngắm lại
Lúc buồn tình tay gãi đã quen
Rành rành mũi mýt hai bên*

Lùm lùm trai úp, là miền hạ thôn
Cỏ rêu mọc xanh rờn cửa tía
Lá cờ bay đỏ khé song đào
Môi đầy, miệng rộng trán cao
Đúng trong tướng pháp: anh hào nghị dung.
Áy rõ thật lá vông đầy đầy
Bằng lương nhân trông thấy cũng ghê
Há như lá trúc lá tre
Mà cười, mà ngấm, mà kè, mà hôn
Của trời cho xinh dòn là thể
Người sao còn bẻ hộc rằng không
Nín thì tức, nói thẹn thùng
Phải đồ bán chợ mà hồng phô trương
Mà giá thử như phường tơ kén
Vén màn quay bày biện đồ ra
Để cho những khách gần xa
Thử xem cho biết rằng là có không
Nhưng mà thuộc vào dòng quý tướng
Bộ râu xồm quai nón phát phơ
Màn mừng phủ sớm che trưa
Tuyết sương chẳng nhuộm, nắng mưa chưa đành
Hoặc có lúc hớ hênh hôm sớm
Chỉ những người nhìn trộm mới hay
Ví bằng đem để sánh bày
Thất kinh vía quý, xa bay hồn phàm
Nay nhân buổi an nhàn thư thái
Chép vài hàng gấm gửi nước non

*Cây ai nhẩn nhủ ôn tồn
Hãy tin rằng có, chớ ồn rằng không
Đời đã thiếu anh hùng cát sĩ
Cửa phòng the dễ hé cho ai!
Tự tình ta viết ta chơi
Không không có có, miệng đời xá chi...*

VÓN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

BỄ BÀNG DUYÊN PHẬN

Mẹ con bà đồ hủ hỉ bên nhau, mẹ tắt tả ngược xuôi, nay chợ Bưởi mai chợ Ngọc hà, con thì cặm cùi ngày đêm bên khung cửi. Tuy bận tay chân, Xuân Hương cũng không ngăn được lòng thơ lai láng, đôi cảnh dễ sinh tình, lắm nhảm mấy câu khe khẽ mà tùm tùm cười thầm:

*Thấp ngon đèn lên thấy trắng phau
Con cò mấp máy suốt đêm thâu
Hai chân đạp xuống nâng nâng nhấc
Một xuốt đằm ngay thích thích mau
Rộng hẹp nhỏ to vừa đúng cả
Ngắn dài khuôn khổ cũng như nhau
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ
Có thắm vào trong mới đại màu*

Bà đồ nghe lồm bồm, bực mình, phàn nàn:

- Thơ với thần? Đêm hôm làm đã cực nhọc, còn nâng nâng thích thích cái gì chóng lòn, khó nghe thế! Chả trách họ đồn đại ra ngoài cũng không oan...

Bà vốn đã phiền lòng về điều kia tiếng nọ, lại gặp lúc phường xóm không được yên ổn, nhà quê kẻ chợ cướp bóc tứ tung, nên chỉ mong sao con gái sớm có nơi có chốn cho đỡ lo ngại.

Trong xóm có viên phó tổng tên tục là Cóc, nhà rất giàu có. Tuy đã lớn tuổi, vợ con đầy đàn, nhưng quen thói ăn chơi, mỗi khi đi qua cửa, thấy Xuân Hương như quả chanh cốt ngon lành, đâm thèm nên mượn người ướm lời xin bà đồ cho cưới làm bậc hai. Bà đồ biết tính con gái cứng đầu cứng cổ khi nào chịu làm thân lẽ mọn, nhưng cũng cứ lựa lời, đêm vắng tí tê, nào cảnh nhà thanh bạch, nào nổi nước loạn li, mẹ tuổi ngày càng cao, sức ngày càng yếu, mà thấy con còn lẳng đàng chưa yên, lỡ ra có mệnh hệ nào thì nhắm mắt sao đành. Xuân Hương tự nghĩ: mình như con ngựa bạch mà đem thắt dây cương bằng thừng chả oan uổng lắm sao! Nhưng mẹ già đã chặt vạt vì mình quá nhiều rồi, cần phải được nghỉ ngơi. Thôi thì một hạt mưa dào đã không được vào vườn hoa thì cũng đành sa xuống giếng chứ sao: một liều ba bảy cũng liều, miễn được cái vốn cho mẹ dưỡng già...

Thế là một buổi chiều, mấy người bên nhà ông tổng đến đón Xuân Hương. Nàng lạy mẹ, rồi rung rung nước mắt xách nón quai thao theo sang nhà chồng. Ở đây sự đời đời không niềm nở lắm, nhưng cũng không đến nỗi tệ nhạt... cho ông Cóc hài lòng. Ông không hài lòng sao được? Ông mở cờ trong bụng! Cho nên hương cũng đượm lửa cũng nồng... trong buổi ban đầu lưu luyến. Chỉ tiếc rằng sau đó chừng một tháng sự lưu luyến đó bắt đầu giảm độ rồi dần dần ông vắng bóng cả tuần trong chôn phòng hương. Lý do một phần là lực bất tòng tâm, phần nữa ông phải lấy lòng bà cả, nhưng phần lớn là vì ông vốn máu mê cờ bạc, thường mài miệt ở các sòng thâu đêm suốt

sáng, đến khi về nhà là chỉ lẫn ra ngáy khò khò, còn lúc nào đâu để thương ngọc tiếc hương! Cho nên Xuân Hương cảm thấy bẽ bàng, trong những đêm trăn trở một mình không tránh được nỗi tủi phận hờn duyên.

* * *

Mối duyên không đơm này, rồi cũng không bền. Chừng nửa năm sau, ông bỗng thốt nhiên lâm bệnh: cảm mạo thường thôi, ai ngờ trở thành trầm trọng, thuốc hay thầy giỏi không cải được mệnh trời, một buổi sáng ông trút hơi thở cuối cùng. Xuân Hương nức nở mấy câu, không tránh được giọng mỉa mai trong niềm cay đắng phận mình:

Hỡi chàng ơi, ới hỡi chàng ơi,

Thiếp bén duyên chàng có thể thôi

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé!

Ngàn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi

Tục truyền khi con cóc chết, lấy vôi đánh dấu vào đầu nó thì ba năm sau nó sống lại, quay đầu về núi. Xuân Hương sẽ bỏ ngàn vàng không tiếc để mua lại cái dấu vôi, kéo Cóc lại trở về...

Chôn cất xong xuôi, nàng lại xách nón trở về nhà với mẹ, tâm tư như trút được gánh nặng ngàn cân khi tìm lại được niềm an ủi trong tình thâm mẫu tử. Mẹ con sống êm ả bên nhau, rau dưa đắp đổi, thấm thoát gần một năm tròn. Bà đồ vì bao năm vất vả, sức vóc suy nhược nên những lúc mưa nắng thất thường, gió sương trái tiết, lại mệt mỏi, vài ngày không dậy được. Dần dà như chuối chín cây, tuy Xuân Hương hết lòng nâng giắc chăm nom mà không tránh được ngày rơi rụng. Cái tang này mới thật là một mất mát to lớn, vô cùng đau đớn cho Xuân Hương. Một thân vò võ, nước mắt ghen ngào, muôn phần cay đắng. Bà con lối xóm đi lại thăm hỏi, một vài môn sinh của ông đồ Nghệ khi xưa, dăm bảy bạn đồng song cũ, nghe tin rủ nhau đến, giúp giập đỡ dần, Xuân Hương cũng khuây khỏa đôi chút.

Rồi ngày qua tháng lụn, nhang sớm đèn khuya, xong giỗ đầu đến giỗ hết, đạo hiếu lo tròn, bấy giờ mới thấy thân mình thật là quạnh hiu tro trọi, không còn gì bầu vịu với đời...

VÓN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

QUÁN NGỌC HỒ

Tưởng thế thôi, chứ với đời Xuân Hương cũng còn có chỗ bầu vịu: nhóm bạn học cũ vẫn năng tới thăm nom và hết lòng gỡ rối những khó khăn trong công ăn việc làm hàng ngày.

Một hôm, nghe Xuân Hương phàn nàn về thời buổi gieo neo, dặt cửi và mua bán sợi vải chăm chỉ hết mình mà cũng không được xởi lởi, một bạn đề nghị:

- Hay là Hương chịu khó xuống dưới phố thuê cửa hàng, có lẽ đỡ hơn?
- Trăm tội không gì bằng nghèo, anh ạ! Giá có vốn thì còn nói gì!

Anh khác gạt đi:

- Cần gì phải đi đâu? Hương cứ nghe tôi: Đây xa nơi thị tứ thật, nhưng có cảnh hồ Tây, có vườn Ngọc Hà, mùa nực thiếu gì khách thừa lương! Không những thế, những tài bảy bước thành thơ của Hương, tôi đi chơi trong đất Thăng Long này, thấy không đâu không có người hâm mộ. Vì thế, tôi tưởng tốt hơn hết là Hương mở ngay tại nhà một quán trà nước, không sợ lỗ vốn đâu, sẽ có nhiều bạch diện thư sinh kéo đến, cho mà xem!
- Nhưng mình con nhà học trò, chưa mở quán bao giờ, thì biết đường nào mà

lần?

- Cái đó không lo, tôi sẽ nhận việc trang hoàng cho ra vẻ một cái quán thanh lịch thu hút tao nhân mặc khách bằng những thú hấp dẫn như rượu Vồng thị ngâm bồ, như trà đầu xuân ướp kim cúc... Ở vùng này lại có tôm cá Nghi tằm ngon nổi tiếng. Với lại có Hương nữa, chả thơm là gì. Chỉ cần Hương nhũn nhận chiêu khách, đừng riều cợt quá mà người ta giận đấy...

Xuân Hương trầm ngâm một lát, nghĩ bụng: "Anh này bàn cũng phải, biết đâu cái quán này chẳng trở thành một thứ chợ đời, cho mình chọn bạn?" Ý đã quyết liền nói:

- Vâng thì mở quán, nhưng cũng phải đặt một cái tên cho văn vẻ, chứ chả lẽ gọi xuông là quán nước?

- Thì đó ta sẵn có hai thắng cảnh, là hồ Tây và Ngọc Hà, đặt ngay là quán Ngọc Hồ, chả đẹp chán rồi ư? Chữ hồ () này không những đồng âm với họ Hồ () lại còn với () trong câu thơ của Vương xương Linh, gợi lên được ý nhất phiến băng tâm kia đấy...[1]

- Thôi đi, còn băng tâm cái con vô gì nữa![2]

- Hương ạ, cái gì đã qua thì cho qua luôn, nghĩ đến cái sắp tới mới là thức thời...

- Cám ơn anh đã vạch cho một lối để đi tới. Vậy chúng ta bắt tay vào việc ngay nhé: năm sắp hết rồi, nên chuẩn bị để kịp khai trương vào dịp Tết cho may mắn.

* * *

Ngôi nhà tường gạch mái tranh, hai lớp cách nhau một sân khá rộng. Trông ra đường có mảnh vườn xinh xinh, bên trồng hoa, bên râm bóng cây mít.

Nhà trong là nơi phòng khuê. Nhà ngoài làm quán: ghế tre, bàn gỗ đơn sơ nhưng xếp đặt ngay ngắn, trang nhã. Hai bên vách, vôi mới trắng tinh, tay phải bức tranh Hai cô Tố Nữ, với bài thơ này:

*Bao nhiêu tuổi thế, hử cô mình?
Chị đã xinh mà em cũng xinh!
Đôi lứa như in tờ giấy trắng
Ngàn năm còn mãi cái xuân xanh
Phiếu mai chi đám tình trắng gió
Bồ liễu thôi đành phận mỏng manh
Còn thú vui kia sao chẳng vẽ?
Trách người thợ vẽ khéo vô tình...*

Tường phía trái, anh bạn vẽ chấm phá cảnh đánh đu ngày Tết, khoảng trên bài thơ vịnh:

*Tám cột khen ai khéo khéo trồng
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông
Trai co gối hạc, khom khom cật
Gái uốn lưng ong, ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới
Hai hàng chân ngọc ruỗi song song
Chơi xuân, có biết xuân chẳng tá?
Cột nhỏ di rồi... lỗ bỏ không...*

Hai bên cột cửa ngoài dán đôi câu đối viết trên giấy hồng điều điểm kim nhũ:

*Tối ba mươi khép cánh càn khôn, đóng chặt lại kẻo ma vương đưa quỷ tới
Sáng mùng một lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước xuân vào!*

* * *

Tính rằng sáng mùng một mở toang cho thiếu nữ rước xuân, nhưng lại e thiên hạ né điềm xông đất mà không dám đến, nên mùng bốn mới thực sự Ngọc Hồ mở quán. Mới đầu, một vài người rụt rè bước vào, ngày sau đông hơn, sau lại đông hơn nữa.

Mới biết anh bạn đoán đúng: phàm phu thì ít, phần nhiều là đám chữ nghĩa vì hiếu kỳ mà đến. Mà kỳ thật: phụ nữ bán quán thì thiếu gì, nhưng ít người có học, phụ nữ có học thì nấu trong khuê các hoặc có sáng tác, cũng ở trong khuôn khổ cương thường, chứ có ai như Xuân Hương hể xuất khẩu là trai lơ bóng gió, nói ra toàn những điều kiêng kị! Người ta coi cô nàng như một thứ yêu tinh thần nữ, nên ai cũng tò mò tới xem cho biết!

Và lại nghe cô chủ quán đối đáp duyên dáng, ai chẳng nức lòng?

Một anh khóa xem bức vẽ Đánh Đu, nói nhỏ nhẹ:

- Cột nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không... Thì trông cột khác khó gì!
- Thế mà khó đấy cậu ạ! Là vì cũng phải cột tấu cột lim, chứ cột tạp thì được mấy nả!

Anh khóa trở mắt, lặng lẽ rút lui...

Anh thư sinh khác đọc bài thơ Hai cô Tổ Nữ, thắc mắc:

- Còn thú vui kia sao chẳng vẽ, trách người thợ vẽ khéo vô tình... Tôi nghĩ người ta hữu tình đấy! Giấu đi để cho phải tìm, mới hay chứ!
- Chắc cậu hay chơi ú tim...
- Chơi ú tim đến lúc òa mới sướng...
- Vâng, cũng có khi ú tim mà tìm chẳng ra?
- Biết đâu chừng, cô nhỉ!

* * *

Chiều hè oi ả, Xuân Hương ra hóng gió ngoài cửa quán, một anh khăn lượt áo the thùng thỉnh đi tới, thấy cây mít rụng rinh những quả, tủm tỉm nói:

- Mít nhà chắc thơm lắm đây, cô quán nhỉ?

Xuân Hương nghĩ bụng: trông cũng sạch nước cần đây[3]liền ứng khẩu:

Thân em như quả mít trên cây

Da nó sù sì, mùi nó dầy

Quân tử có thương thì đóng nõ

Xin đừng mân mó... nhựa ra tay!

Anh chàng mặt đỏ dừ, giả vờ ấp úng:

- Thưa cô, tôi không am hiểu mấy về cây cối, cô bảo đóng nõ là thế nào cơ?

Tài trai mà không biết? Muốn đóng nõ, phải hái mít xuống đã...

- Thế à! Rồi phải làm sao nữa, hử cô?

- Rồi rút cuống mít ra lấy cái nõ là một khúc gỗ dài bằng gang tay, to bằng ngón chân cái, nong lô cuống cho rộng để nhựa chảy ra, nắng soi vào thì mít chóng chín. Nhưng nhựa nó ra tay, khó chịu lắm đấy!

- Ô mít có gai, ai dám mân mó...

- Phải để ý vào chứ!

Có lần đảng ô Yên Phụ đem lại một rổ ốc nhồi, con nào con nấy tròn ửng.

Xuân Hương cho ngâm nước vo gạo một đêm, hôm sau đem luộc chín, rồi nhân lúc vắng khách, gọi người nhà quây quần lại ngồi ngay nơi nền đất, lấy gai khều vẩy, vừa ăn vừa xuýt xoa, nước mắt nước mũi ràn rụa.

Vừa hay một ông khách vào quán, thấy thế nói đùa:

- Ốc ngon quá nhỉ! Nào cho tôi ngoáy vài con...

Trông khách có vẻ cục mịch, lại ăn nói sỗ sàng, Xuân Hương không buồn chào hỏi, thủng thỉnh ngâm:

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi

Đêm ngày lặn lóc đám bùn hôi

Quân tứ có thương thì bóc yếm

Chứ đừng ngo ngoáy lỗ trôn tôi

Rồi cô đứng lên vào nhà trong, để mặc cho người nhà tiếp đãi...

* * *

Một hôm trời đã nhá nhem, hai người mặc thường phục tới quán, một trông vạm vỡ, râu ria xồm xoàm, một thì loắt choắt, mày râu nhẵn nhụi. Ông này ỏn ẻn:

- Chẳng giấu gì cô quán, vị này là quan lãnh trong thành nội, còn bĩ nhân giữ chức thị vệ ở nội cung, chẳng mấy khi có dịp ra chơi bên ngoài. Nay nghe tiếng cô là tay tài nữ nên...

Rồi ông ta lắc lư ngâm hai câu:

Rằng nghe nổi tiếng tài danh

Thử xem có được mắt xanh để vào!

Xuân Hương cười nụ, nghĩ thầm: rõ khéo, để vào thì để vào đâu kia chứ?

Nhưng cũng ôn tồn thưa:

- Em thì tài danh gì đâu, chẳng qua chỉ nôm na ít câu tục tĩu không đáng để vào tai bậc trí thức như các quan...

- Không sao đâu, có tục có thanh mới thành giai cú chứ.

- Vậy em xin phép mừng quan Thị trước một bài:

Mười hai bà mụ ghét chi nhau

Đem cái xuân tình vứt bỏ đâu?

Rúc rích thầy cha con chuột nhắt

Vo ve mặc mẹ cái ong bầu

Đố ai biết được vòng hay tróc

Còn kẻ nào hay cuống với đầu

Thôi thế thì thôi, thôi cũng được

Ngàn năm khỏi chịu tiếng trong dẫu!

Quan Thị cảm thấy đau hơn hoạn, mặt mày xanh xám, mắc cỡ với bạn đồng hành, song cũng cố nén giận để chữa thẹn:

- Thơ cô hay đáo để... Đáo để! Nhưng... nhưng mà... nhưng mà thôi? Cô hãy tặng quan lãnh đây một bài đi, cho vui?

Bấy giờ, quán mới lên đèn, Xuân Hương tươi cười đáp:

- Vâng, em có mấy câu để tỏ lòng khâm phục tài thao lược của quan Lãnh:

Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn

Tối tuy không mất, sáng hơn đèn!

Đầu đội nón da loe chớp đỏ

Lưng đeo bị đạn rủ thao đen...

Vừa dứt câu thì quan Lãnh đẩy ghế đứng phắt dậy, mặt hầm hầm, kéo tay quan Thị bỏ đi, không một tiếng chào.

Mấy người khách quen, từ nãy giờ nghe thơ chỉ tùm tùm đưa mắt nhìn nhau, giờ mới phá ra cười:

- Nữ sĩ sao mà độc miệng thế! Người ta quan cách thế mà nỡ ví với cái của nợ! Các quan giận là phải...

- Tôi cứ nghĩ lão ta không hiểu kia đây. Nhưng biết nổi giận thì cũng là thông minh. Còn hơn nhiều tướng tá?

* * *

Quán Ngọc Bô nổi tiếng đến độ người ngoại quốc cũng muốn tham quan! Một chú Tàu có máu văn nhân, một hôm tìm tới. Chừng mới theo đạo quân Tôn sĩ Nghị sang, nên chưa nói được tiếng ta, xò một thôi tiếng Quảng đông, Xuân Hương không hiểu gì cả, nhưng thấy tia mắt có vẻ sỗ sàng. Liền cầm bút viết:

Chân đi hài Hán,

tay bán bánh Đường,

miệng nói lú lờng

Ngây ngô, ngây ngô

Chú Tàu cầm xem, đọc được mấy chữ Hán, Đường, Lương, Ngô còn thì chữ nôm rậm rì, chưa từng đọc qua, e rằng công kích sự xâm lược của mình chẳng, nên uống chén trà rồi cười hề hề, đứng lên cáo thoái.

* * *

Vào cỡ tháng ba, một hôm Xuân Hương đang bận làm bánh trôi nước[4] thì người nhà vào thưa: Một cậu công tử có tiểu đồng điều chấp theo sau, ngỏ ý

muốn được gặp chủ quán.

Xuân Hương bảo hỏi xem là ai, thì mới hay là cậu Phạm Đình Hồ.

- À cậu Chiêu đây mà! Cậu là danh gia tử đệ đấy.

Cô giở bản một chút, hãy đưa mấy câu này ra trình trước đã...

Người nhà đem tờ hoa tiên ra, cậu chiêu giờ lên xem thấy bốn câu:

Quả cau nho nhỏ, lá trầu hôi

Này của Xuân Hương mới quệt rồi

Có phải duyên nhau thì thăm lại

Đừng xanh như lá, bạc như vôi

Liên gọi tiểu đồng mở cháp lấy giấy bút đáp lời:

Người Cổ lại còn đeo thối Nguyệt

Buồng Xuân chi để lạnh mùi Hương!

Xuân Hương đọc qua, mỉm cười: Cổ ghép Nguyệt là chữ Hồ, gọi hẳn tên họ mình ra, lại trêu mình trong cảnh quạnh hiu! Vội vắn khăn lại rồi cho mời khách vào.

Thấy người có vẻ tuấn tú phong cách hào hoa, nàng rất đẹp lòng, chào mời vồn vã:

- Chả mấy khi rồng đến nhà tôm, xin mời công tử ngồi đây, dùng chén trà đậm bạc này, may ra hương cúc Thúy sơn sẽ khiến buồng xuân đỡ lạnh chút nào...

Chiêu Hồ[5]cười nụ:

- Khẩu trầu ngoài kia đưa, tôi chưa dám thử xem "quệt" ra sao, vì sợ mình yếu bóng vía, chưa gì đã say... đâm ra ngất ngư...

Xuân Hương ửng hồng đôi má, vội nói lảng:

- Thật là quý vật tìm quý nhân đây nhá: chả nhân tết hàn thực, nhà có làm ít bánh trôi nước, để mời công tử nếm thử vài viên...

Thử vài viên? Quý nương nói đúng quá đi mất thôi? Nhưng tôi có tật "đưa

cay" trước đã...

Xuân Hương vội lấy bình rượu Vồng thị rót vào chén sứ, nâng mời. Chiêu ghé môi, nhấp nhấp, đầu gật gù, mắt liếc ngang, tay cầm thìa vớt viên bánh, nhấm nhí ra điều tán thưởng, rồi chậm rãi khen:

- Rượu ngon, người đẹp, bánh lại khéo! Áo ngoài mịn màng, viên đường bên trong lúc cắn vỡ, lại thơm ngát mùi mía Đường Chèo, thật là tuyệt phẩm...

Xuân Hương nhỏ nhẹ:

Công tử quá khen, chứ viên bánh tầm thường này có đáng gì, chẳng qua cũng tầm thường như em đây mà thôi:

Thân em thì trắng, phận chưa tròn

Bảy nổi ba chìm với nước non

Dần nát mặc dầu tay kẻ nặn

Mà em vẫn giữ tấm lòng son...

- Lòng son thơm ngọt thế này, lo gì phận ấy chẳng tròn!

Thế rồi chuyện nọ độ chuyện kia, giây cà ra giây muống, văn thơ đầy đưa tình tứ, tình tứ bốc ngút hơi men, công tử với quý nương rồi đổi ra anh với em, anh lại biến ra ông, em nhảy lên chị, lúc nào không biết, khiến chiêu ta không ngăn nổi một vài cử chỉ chót nhả làm cho giai nhân phải ra bộ lập nghiêm:

Anh đồ tỉnh? Anh đồ say?

Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày?

Này này, chị bảo cho mà biết:

Chốn ấy hang hùm, chớ mó tay!

Chiêu thấy hang hùm mà là chốn ấy thì cũng bực lòng cho Hồ, đâm cù nhây:

Này ông tỉnh! Này ông say!

Này ông ghẹo nguyệt giữa ban ngày!

Hang hùm ví bằng không ai mó

Sao có hùm con bỗng trốc tay?

Phải rồi, không thể thì lấy đâu ra con mà bỗng trên tay? Nói với người say như vay không trả, Xuân Hương thôi cũng đành vậy, chứ biết sao bây giờ...

* * *

Từ đây, hai người sống bên nhau trong cảnh già nhân ngãi non vợ chồng, khi rượu thơ, khi đàn địch, khi cây cảnh, khi cuộc cờ... Cuộc cờ trên bàn son rồi gợi hứng cho Xuân Hương miêu tả cuộc cờ người:

Chàng với thiếp canh khuya trần trọc

Đốt đèn lên, đánh cuộc cờ người

Hẹn rằng đấu trí mà chơi

Cấm ngoại thủy không ai được biết

Nào tướng sĩ giàn ra cho hết

Thiếp cùng chàng hãy quyết một phen

Quân thiếp trắng, quân chàng đen

Hai quân ấy chơi nhau đà phải lừa

Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa

Thiếp vội vàng vén phía tượng lên

Hai xe hà, chàng gác hai bên

Thiếp sợ bí, thiếp liền ghênh sĩ

Chàng lừa thiếp đương khi bất ý

Đem tốt đầu dú dí vô cung

Thiếp đương mắc nước xe lồng

Nước pháo bỗng nổ ùng ra chiếu

Chàng bảo chịu, thiếp rằng chưa chịu

Thua thì thua, quyết nú lấy con...

Khi vui nước nước non non

Khi buồn, lại giở bàn son quân ngà...

Nhưng khi chàng bảo chịu mà nàng nín không xong, thì nàng lại trách là bội bạc

Chú lái kia ơi, biết chú rồi!

Qua sông, đã lại đắm ngay bờ...

Trèo ghe vừa khỏi dòng sông ngược

Đắm cuộc ngay vào ngấn nước xuôi

Mới được lên bờ, đà vồ đất

Nào khi giữa khúc phải co vùi

Chuyến dò nên nghĩa sao không nhớ?

Sang nữa, hay là một chuyến thôi!

Khôn thay, một chuyến thôi hay là sang nữa, quyền còn đâu ở cậu chiêu?
quyền thuộc... tạo hóa!

* * *

Lại có hôm trời nắng, Xuân Hương giặt rũ xong đem phơi la liệt trên sân rồi ngồi nghỉ nhà trong, thì chiêu Hồ ở ngoài đi vào, đầu vương phải một vạt áo dài. Xuân Hương ngó thấy, vừa cười ngặt nghẹo, vừa nói:

- *Rõ đẹp chữa, anh đồ ơi!*

Tán tía tàn vàng,

che đầu nhau đỡ khi nắng cực.

Chiêu Hồ bực mình, lẩm bẩm:

- Chà, quân này hỗn thật, những của nợ này mà gọi là tàn với tán, lại còn nói lái nữa chứ!

Rồi cất to tiếng:

- Nghe đối ngay đây:Thuyền rồng mui vẽ, vén buồm lên rồi sẽ lộn lèo!

Thế là cùng phá lên cười, Xuân Hương chờ chiêu Hồ khép cửa rồi cùng nhau... tránh nắng!

* * *

Nhân ngày Phật đản, một bạn gái hẹn đợi Xuân Hương canh năm hôm sau đến tìm để cùng đi lễ chùa Diên Hựu (tức chùa Một Cột gần đó). Không ngờ qua một đêm mưa gió, Xuân Hương đến sáng rõ rồi mới thức tỉnh, tần ngần nói với chiều Hồ:

- Lỡ hẹn mất rồi! Lạ quá, mọi khi cứ trống canh năm là dậy rồi, sao hôm nay chẳng nghe thấy tiếng trống? Hay là trống thùng rồi cũng nên...

Chiều Hồ đương ngái ngủ, lẩm bẩm:

- Tại mình ngủ say chứ, sao lại đổ cho trống thùng? Nó thùng như em ấy...

Xuân Hương mỉm cười, khẽ ngâm:

Của em bung bít những bụi nhùi

Nó thùng vì chưng kẻ nặng dùi

Ngày vắng bập bùng dăm bảy chiếc

Đêm thanh từng cắc một đôi hồi

Khi đang thẳng cánh bù khi cúi

Lúc đứng chưa xong đã lúc ngồi

Nhấn nhủ ai về thương lấy với:

Thịt da, ai cũng thế mà thôi...

Chiều Hồ lờm lờm về trầu mền, hỏi:

- Thế sang nữa hay là một chuyến thôi?

* * *

Cuộc đàn diều này vừa đôi phải lứa, qua mấy tháng hè thật là khăng khít bên nhau. Đến khi trời đổ sang thu, chiều Hồ dần dần thừa bóng. Chẳng phải có thay đổi gì trong lòng chàng, nhưng đã đến lúc nho sĩ phải vùi đầu trong nghiên bút để kịp dự khóa thi sắp tới. Một buổi, nhân trong quán có việc phải chi tiêu bất thần mà tiền chưa sẵn, Xuân Hương sai người đưa thư vay chiều Hồ 5 quan. Chiều dúi cho 3 quan cầm về. Nàng liền gửi lại mấy câu trách đùa Chú Cuội trên cây đa cung trăng:

*Đã bảo là năm, lại có ba!
Trách người quân tử hẹn sai ra
Bao giờ thông thả lên chơi nguyệt
Nhớ hái cho vài nắm lá đa...*

Chiêu ta cãi bừa:

*Rằng "gián" thì năm, quý mới ba
Tại người thực nữ tính không ra
Ừ rồi thông thả lên chơi nguyệt
Cho cả cành đa lẫn củ đa!*

Xuân Hương bật cười, nghĩ bụng: người ta hỏi 5 quan, tuy không nói rõ, nhưng tất nhiên là 5 quan quý, nay lại vờ tưởng hỏi 6 quan gián, rồi xì ra 3 quan quý, ra cái điều yêu quý mới làm thế! Anh đồ lấu lỉnh, coi vậy mà cũng... dễ thương...

* * *

Ừ rồi thông thả lên chơi nguyệt, sự chênh mảng này không khỏi làm cho nguyệt hung nhớ gốc đa, nên gửi lời thăm hỏi:

*Đã bấy lâu nay luống nhẩn nhe
Nhẩn nhe toan những sự gùn ghè
Gùn ghè, nhưng vẫn còn chưa dám
Chưa dám cho nên phải rụt rè...
Anh đồ họa ngay, vẫn cái giọng ồm ờ:
Hồi hồi cô hay tở bảo nhe
Bảo nhe không được, gậy ông ghè
Ông ghè không được, ông ghè mãi
Ghè mãi rồi lâu cũng phải rề...*

* * *

Từ khi gặp Chiêu Hồ, Xuân Hương được đáp ứng dồi dào về nhu cầu thể

chất, vẫn tài lại nảy nở đến mức tinh vi, nên nàng thấy cuộc đời tràn đầy sinh thú, không còn ước vọng viễn vông gì nữa.

Một hôm rảnh rỗi, nàng thung thỉnh một mình đi đến Khán xuân đài. Đài dựng ngay chân núi Nùng, để khách thừa lương văn cảnh. Đối cảnh sinh tình, nàng khẽ ngâm:

Êm ả chiều thu đến Khán đài

Lâng lâng chẳng bận chút trần ai

Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng

Một vũng tang thương nước lộn giời

Bể ai nghìn trùng khôn tát cạn

Nguồn ân muôn trượng vẫn chơi vơi

Nào nào cực lạc là đâu tá?

Cực lạc là đây chín rõ mười...

Cực lạc là đây chín rõ mười? Trong lúc sung mãn thì Xuân Hương nói thế, chứ có ngờ đâu khi lên tột đỉnh rồi ắt phải xuống, chín rõ mười thì mười rồi xuống chín và còn xuống nữa? Chả là vì hạnh phúc của nàng do chiêu Hồ đem lại, mà cậu chiêu thì sau buổi đầu bông bột, lòng mến thương đã lắng, không còn ăn đêm ở ngày nơi quán Ngọc Hồ nữa mà chỉ ừ, rồi thông thả lên chơi thôi, bởi nhiều lẽ.

Cuộc đàn đúm này cậu dẫu diêm kỹ thế mà sao thiên hạ đồn rầm lên khiến cha mẹ răn đe, vợ con hờn giận, bạn bè cũng chê cười? Ấy chi vì những bài thơ xướng họa với Xuân Hương không biết do đâu truyền đi mà nhiều người thuộc thế! Thanh niên thì thích thú ngợi khen, nhưng người đứng tuổi, nhất là trong làng Nho, ai cũng cho là nhảm nhí. Thơ Xuân Hương lẳng lơ đã đành, thơ chiêu Hồ thật không ra phẩm hạnh người đọc sách thánh hiền. Thành thử chiêu Hồ cũng ngượng ngùng, rồi đâm hồi hận là có tội với danh giáo. Huống chi, như trên đã nói, gần đến khóa thi rồi không thể đa mang

tình nhi nữ được nữa. Thế là cậu bán sói.

Chừng một tháng sau, Phạm Đình Hổ đi dự thi, đỗ hương cống: cậu chiều nay đã lên chân cống sinh, càng cần phải xét nét hạnh kiểm. Gia dĩ thân phụ đang giữ chức lớn trong triều, cũng muốn đẹp bót tai tiếng cho con, nên tìm cách nâng đỡ cho sớm được xuất chính, để xa lánh đất Thăng Long, nhất là xa quán Ngọc Hồ. Nhân bấy giờ vùng Thanh Nghệ đương có mảy chân khuyết, thầy Cống chỉ đợi có ít ngày là được lệnh bỏ đi một huyện nhỏ tỉnh Hà tĩnh. Liền sắm sửa hành trang rồi dẫn thê tử lên đường nhậm chức. Được tin này, Xuân Hương không giận mà lại thương cho quan huyện mới đã bị bả vinh hoa nhốt vào vòng cương tỏa, làm thui chột khí phách của tuổi vàng son...

Nàng lại mừng cho mình may mắn không vướng phải chút hùm con! Cứ kể có mà bồng tróc tay đôi khi cũng đỡ buồn, nhưng ở buổi nhiều nhưong này, mẹ con rồi trông cậy vào đâu lúc mai kia một nợ? Cho nên Xuân Hương càng ngậm ngùi thân phận, càng chán chường cho tình người và ngán ngẫm tuồng đời. Nhớ lại câu mình tự hỏi: nào cực lạc là đâu tá? thêm then thùng chưa xót nghĩ tới cái hồi nào đó tưởng đã tìm ra giải đáp...

Thì bây giờ cực lạc là thế này đây?

Xuân Hương tìm khuây khỏa trong những cuộc nhàn du, gửi tâm hồn vào gió mây non nước. Có lần vui chân lên huyện Sài sơn, tỉnh Sơn tây, thăm chùa Phật tích ở xã Thụy khuê, tục gọi là chùa Thầy nơi sư Từ Đạo Hạnh xưa, khi viên tịch thoát xác trong một hang đá mà người sau gọi là hang Thánh hóa. Xuân Hương tức cảnh:

Hang Thánh Hóa

Khen thay con Tạo khéo khôn phàm

Một đồ giường ra biết mấy ngàm

Luôn đá, cỏ leo sờ rậm rạp

*Lách khe, nước dĩ, mó lam nham
Một sư đầu trọc ngồi khua mõ
Hai tiểu lưng tròn đứng giữ am
Mới biết đây là Hang Thánh hóa
Chôn chân mỗi gỏi vẫn còn ham...*

Nơi đây, còn một hang nữa mang cái tên éo le: hang Các có. Tên này làm nàng thoát ra ngay năm vắn:

*Trời đất sinh ra đá một chòm
Nứt ra đôi mảnh hỏm hòm hom
Kẽ hàm râu mọc trơ toen hoén
Luồng gió thông reo vỗ phập phồm
Giọt nước hữu tình rơi lồm bồm
Con đường vô ngần tối om om
Khen ai dẻo đá tài xuyên tạc
Khéo hớ hênh cho lắm kẻ nhòm...*

Dạo chơi xa gần, vẫn không quên được sự lòng hiu quạnh thường thốt ra lời thơ:

Tự tình

*Chiếc bách buồn vì phận nổi nênh
Giữa dòng ngao ngán nổi lênh dênh
Lưng khoang tình nghĩa nhường lai láng
Nửa mạn phong ba luống bập bênh
Cầm lái, mặc ai lăm đổ bến
Dong lèo, thây kẻ rắp xuôi ghềnh
Ây ai thăm ván cam lòng vậy
Ngán nổi ôm đàn những tấp tênh?*

Ngồi nhâm những đoạn thơ chấp nối, cố quên đi những phen phụ bạc ơ hờ, để

tưởng lại một đôi nơi từng chớm với mình bao xúc cảm đầm thắm êm đềm,
nàng giở lại những vần tình tứ mình gửi cho bạn thơ như Tố Phong:

I

*Chôn bước may đâu khéo hẹn hò
Duyên chi, hay bởi nợ chi, ru?
Sương sa áo lục nhồi hương sạ
Gió lọt cành lê lướt mặt hồ
Muốn chấp chỉ đào thêu trướng gấm
Mà đem lá thắm thả dòng Tô
Trong trần mấy kẻ tinh con mắt
Biết ngọc mà trao, mới kể cho...*

II

*Kiếp này chẳng gặp nữa thì liêu
Những chắc trăm năm, há bấy nhiêu
Nghĩ lại luống đau cho phận bạc
Nói ra thêm nhẹ với thân bèo
Chén thề thừa nợ tay còn dính
Món tóc thời xưa cánh vẫn đeo
Được lứa tài tình cho xứng đáng
Nghìn non muôn nước cũng tìm theo
Hay cho thi hữu Sơn phủ:
Này đoạn chung tình biết với nhau
Tiễn đưa ba bước tới bên cầu
Trên tay khép mở tênh chiêu nhận
Trước mặt đi về gấp bóng cầu
Nước mắt trên hoa là lối cũ
Mùi hương trong nệm cả đêm thâu*

Vắng nhau mới biết tình nhau lắm

Này đoạn chung tình biết với nhau...

Bạn thơ của Xuân Hương không những chỉ ở trong đám văn nhân tài tử như Tôn Phong và Sơn Phủ, mà còn thấp thoáng nơi vai vế trong chính quyền nữa. Khoảng năm 1810, nàng từng xướng họa với Nguyễn Hầu, Nghi Xuân, Tiên Điền, tức là tác giả Truyện Kiều, lúc ấy ngồi chức tri phủ Thường Tín (Hà Đông). Rồi bằng đi 3 năm, bỗng được tin hầu thăng chức Cần chánh điện học sĩ, bèn gửi mừng một luật Đường:

Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung

Mượn ai tới đây gửi cho cùng

Chữ tình chốc đã ba năm vẹn

Giấc mộng rồi ra nửa khắc không

Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập

Phấn son càng tủi phận long đong

Biết còn mấy chút sương đeo mái

Lầu nguyệt năm canh chiếc bóng chong...

Hồi này Tố Như tiên sinh đang ở Thăng Long để sửa soạn sung chức chánh sứ sang Trung Hoa, không biết hôm sau khi được thơ, có đến thăm tạ người đẹp, hay bận rộn mà lơ là...

VÓN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

MIẾNG ĐÌNH CHUNG

Cực lạc là thế này đây: nhọc nhằn lận đận, uổng một đời thông minh? Ngồi một mình trong quán vắng, Xuân Hương đang chán chường cho thân thế, thì một người nón dứa áo xa bước vào. Trông vẻ chững chạc, tuổi chừng trên dưới ba mươi, hình như ở xa mới đến, giày còn đầy bụi.

Khách vội nói ngay:

- May quá được gặp quý nương! Chả là bữa nọ bĩ nhân đã đến mà chưa được chiêm ngưỡng tư dung, nên chẳng ngại xa xôi, hôm nay phải đến nữa, vì quý nương đã dành cho một nửa cảm tình rồi...

- Dành cho một nửa cảm tình? Tiên sinh nói thế là sao cơ, tiện thiếp không hiểu?

- Bĩ nhân có vật này, quý nương trông thấy là hiểu ngay.

Liền rút trong túi ra một phong giấy đặt lên bàn trước mặt Xuân Hương.

Nàng ngập ngừng nói:

- Phong giấy này dán kín, thiếp đâu dám đường đột...

- Không sao đâu. Hay thôi, để bĩ nhân đưa trình cho phải phép.

Khách cẩn thận bóc theo đường dán, lấy ra một mảnh hoa tiên. Hai tay nâng trình, Xuân Hương đỡ lấy mở ra xem, giật mình thấy tuồng chữ của mình viết:

Mảnh tình ví xẻ làm đôi được

Nửa để trong nhà, nửa để ra...

Bụng bảo dạ: Rõ nỡm thật! Bữa ấy mắc dở có hùm đây mà... Vội trấn tĩnh ngay:

- Xin tiên sinh miễn trách. Hôm ấy trong nhà làm bánh, đang mê man về nhào với nặn, nên mang lỗi thất nghênh.
- Quý nương coi đây, bĩ nhân nói có sai đâu! Đã được một nửa để ra rồi, nay xin cho nét nửa để trong nhà ...
- Cái đó không khó. Chúng ta là con nhà văn tự mà! Tiên sinh hạ cố, tất đã xem qua thơ của thiếp: dở hay tùy lượng đại phương, nhưng đó cũng là một nửa rồi. Còn nửa kia về phần tiên sinh...
- Ấy chết, quý nương tính sai rồi, nửa mà quý nương vừa nói đó, là nửa để ra ngoài, còn nửa để trong nhà đâu đã thấy?
- Thì văn thơ có xướng ắt có họa chứ? Xin được nghe giai cú đã, đi đâu mà vội?
- Bĩ nhân xin thú thật: về văn nômi thì khả năng không đủ nói tới, nhất là trước mặt Tạ, Ban... Chỉ xin ra đề để bĩ nhân học đòi làm đôi vần phú...
- Đã thế, dám xin tiên sinh cho kẻ ngu độn này được lãnh hội ít vần về Dịch đình Dương xa[6]chẳng hạn...

Xuân Hương bèn mời khách vào nhà trong, xếp chỗ tĩnh mịch, có đủ văn phòng tứ bảo lại thêm nậm rượu bình trà, để khách ngồi câu tứ...

Chừng một giờ sau, khách thoát cáo, diện trình giai nhân. Nàng vừa đọc vừa tấm tắc khen: lời hay, vần chỉnh, ý lại sâu sắc, thật đáng tài khoa giáp. Kỳ này tiên sinh ứng cử đi, thế nào cũng vượt vũ môn! Bây giờ trời đã chiều rồi, mời tiên sinh nán lại dùng bữa cơm rau với em nhé!

Khách vui vẻ ở lại, hai người uống rượu ngâm thơ rất là tương đắc. Dàn dả cũng như hồi nọ: tiên sinh với quý nương biến ra anh với em lúc nào không

hay...

Sau đó, một tháng đôi tuần, có khi ba bốn, khách lại tìm đến uống chén tẩy trần cho quên dọc đường gió bụi. Rồi một hôm, khách ngập ngừng nói nhỏ:

- Chẳng dẫu gì em, anh ở tỉnh nhỏ, không về đây được năng như ý muốn, vậy em thử tính dùm xem... hay là xuống tỉnh với anh cho vui...

- Nhưng còn bà cả, biết có ưng cho không?

- Không ưng rồi cũng phải ưng, cốt ở anh mà! Cứ tin ở anh là xong xuôi hết...

Nghe bùi tai Xuân Hương mềm lòng, lại nghĩ từ khi hùm đi, mình chẳng dòm nom gì đến quán thành ra vắng vẻ buồn tênh. Thôi thì lại làmhai lần nữa cũng đành, cho đáng cái kiếp dự phần tài sắc!

Thế là nhất quyết đẹp quán, theo chàng xuôi xuống Hưng Yên, chấp nhận mọi thử thách... Có biết đâu làm lẽ kỳ này khác xa kỳ trước: kỳ trước tổng Cóc máu mê cờ bạc bỏ mình trông trơ, nhưng vợ cả trọng tuổi không hành hạ mình. Còn kỳ này mình được chồng nặng tình âu yếm thì lại bị cô vợ cả trẻ trung cứ giữ riết anh chàng không dời nửa bước, đẩy mình vào cái cảnh ăn cơm nguội nằm nhà ngoài, chịu làm sao cho thấu!

Những đêm một mình một bóng, nàng không ngăn được nỗi hận lòng, lắm bữa rửa thắm:

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng

Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!

Mười đêm, chị giữ mười đêm cả

Suốt tháng, em nằm suốt tháng không

Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm

Cầm bằng làm mướn, mướn không công

Thân này vì biết nhường này nhĩ

Thà trước thôi đành... ở vậy xong!

Nỗi niềm của vợ lẽ không ai thấu triệt bằng chồng. Nhưng chồng sợ điều tiếng trong gia đạo làm phố xóm chê cười, nên đành ngậm miệng, để hết tâm trí vào việc dùi mài kinh sử cho quên cay đắng.

Thật may mắn cho hai kẻ đa tình: nỗi đau ngấm ngầm tưởng không cách nào nguôi được, hay đâu con đường khoa hoạn lại giải thoát dùm cho: khoa thi vừa mở thì lều chõng mấy kỳ chồng đều trót lọt, đến khi yết bảng, tên chàng lò lộ đứng vào số năm. Đúng là cá vượt vũ môn như lời Xuân Hương tiên đoán! Mừng này chưa hết lại tiếp nỗi mừng hơn: trong có vài tháng, được bổ tri phủ Vĩnh tường. Vội thu xếp việc nhà: mới đi nhậm chức nơi xa, chưa tiện đem theo hết gia tiểu, thì vợ cái con cột hãy ở lại phụng dưỡng mẹ già và trông nom ruộng nương nhà cửa, tạm chỉ một mình cô hai theo hầu cơm nước, yên ổn đâu đấy rồi sẽ tính sau...

Thế là một sớm Xuân Hương cùng chồng trực chỉ phủ đường. Đến nơi, nàng thở phào nhẹ nhõm: từ đây, vợ cả vợ hai cũng là vợ cả, câu nói đùa trở thành sự thật, mình nghiễm nhiên là bà phủ Vĩnh Tường tênh tênh một vai mành phụ...

Phủ đường nằm trên bờ sông Hồng, chung quanh cây cối um tùm, những khi rồi rảnh vợ chồng đối diện đàm tâm, nàng chuốt nên lời thơ siêu thoát, không còn cái giọng tinh ranh bóng gió thừa còn non tuổi:

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa

Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ:

Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán

Trắng xóa trường giang phẳng lặng tờ.

Bầu róc giang sơn say chập rượu

Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ

Ô hay, cảnh cũng ưa người nhĩ

Ai thấy ai mà chẳng ngẩn ngơ...

Ông Phũ vốn là cốt cách văn nhược, trong tuổi học trò quá chuyên cần đèn sách, nên sức vóc mỗi mòn, hôm nào tan buổi hầu sáng cũng phải nghỉ trưa tĩnh dưỡng. Những lúc này bà phũ được thông thả, hay ra ngồi chơi ngoài công đường, trò chuyện với những dân đứng chờ nộp đơn buổi chiều. Có khi xem đơn thấy việc nào không quan trọng thì tự ý giải quyết, cốt nhẹ việc cho chồng.

Một hôm, một ông hương cống xin phép mổ trâu. Ý chừng muốn tránh tiếng mổ cho là không nhã, nên ông viết: xin làm trâu. Bà phũ không nín được cười, phê ngay:

Người ta thì chẳng được đâu

Ừ thì ông Cống làm trâu thì làm!

Tha hồ cho ông cống làm thân con trâu!

* * *

Lại có lần chị Nguyễn Thị Đào, vợ góa một anh lái đồ đầu đơn xin rút hạn tang chồng để đi tái giá lấy chỗ nương tựa, vì quá nghèo khổ. Bà phũ cầm bút viết liền trên đơn:

Phó cho con Nguyễn Thị Đào

Nước trong leo lẻo, cấm sào đợi ai?

Chữ rằng: xuân bất tái lai

Cho về kiếm chút, kéo mai nữa già...

Những chuyện này khi nàng kể lại cho chồng nghe, ông phũ chỉ cười, vì yêu cái tính của vợ hồn nhiên, không coi khuôn phép vào đâu cả.

* * *

Vợ chồng sống bên nhau thật là xứng ý: khi trà rượu, khi văn thơ sử sách, cuộc đời ung dung tươi sáng, tưởng còn hạnh phúc nào hơn!

Tiếc thay, cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn: sức khỏe của ông phũ mỗi ngày một đuối, đến một hôm đi kinh lý miền xa bị cảm gió sương, lúc về nằm liệt

cả tuần, rồi cứ lả dần, lả dần, đến khi tắt nghỉ trên tay người bạn chung tình...
Thế là một trời sụp đổ trước mắt Xuân Hương. Nàng oán tạo hóa bất công,
hận cuộc đời nghiệt ngã, lòng thương chồng tưởng hàng trăm năm chưa dứt,
đâu phải chỉ đến mãn tang là thôi! Vì thế nàng ghen ngào thỏn thức:

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!

Cái nợ trần hoàn có thể thôi

Chôn chặt văn chương ba thước đất

Ném tung hồ thi bốn phương trời

Cán cân tạo hóa rơi đầu mắt

Miệng túi càn khôn thất lại rồi

Hăm bảy tháng trời là mấy chốc

Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!

Mọi việc tang lễ lo đầy đủ, Xuân Hương trở lại Thăng Long, mượn một căn nhà nhỏ ở phố Lý Quốc Sư[7] gần ngõ huyện Thọ Xương, để sớm hôm thờ cúng ông Phủ cho trọn đạo một vị vong nhân.

Một mình vò võ, càng nghĩ càng thấm thía căm má hồng phận bạc, rồi lại tự bào chữa: mình là con nhà dân dã, giá đừng trèo cao thì đâu đến nỗi ngã đau thế này.

Giữa lúc ấy, nghe phía huyện có tiếng khóc, hỏi ra mới biết là bà huyện khóc chồng chẳng may tạ thế hôm trước. Xuân Hương cảm thấy tình cảnh sao mà y hệt như của mình, vì bà huyện vốn là một cô gái quê, nên lắm bầm mấy câu nhẩn người mà cũng là tự nhủ:

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng

Nín đi, kéo thẹn với non sông...

Ai về nhẩn nhủ đàn em bé:

Xấu máu, thì khem miếng đình chung!

VÓN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

OÁN HẠN MỌI CHÒM

"Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!" Lời khóc thê thiết thốt ra trong lúc đau thương tột độ này, tưởng rồi sẽ nguôi dần theo dòng thời gian. Ai ngờ không những đã qua hăm bảy tháng trời tang tóc, mà còn dài, còn lâu nữa sau đó.

Xuân Hương vẫn một niềm chung thủy với chồng.

Tự lòng nàng muốn vẹn nghĩa đã đành, nhưng thời thế cũng giúp cho quyết tâm ấy không bị lay chuyển. Là vì chưa mãn tang ông phủ, nàng đã thấy triều Lê sụp đổ. Qua mấy năm Quang Trung, đại cục tuy có văn hồi, nhưng nhân dân còn trong cảnh điêu tàn: loạn lạc làm cho nhiều gia đình ly tán, đói kém gây ra cảnh cướp bóc, ai cũng lo chạy lấy thân, còn bụng nào nghĩ đến những vui chơi trong buổi thanh bình!

Về phần Xuân Hương, từ khi rời phủ Vĩnh Tường trở về Thăng Long, ở phố Lý Quốc Sư, cùng với ông bố già khi trước trông nom quán Ngọc Hồ, và bà vú nuôi từ hồi măng sữa, ba người ăn nhấm sống qua ngày. Khi có giặc thì tạm lánh về quê bà vú, yên hàn lại trở ra, một mình bà vú buôn quanh bán quẩn cũng qua ngày. Còn Xuân Hương âm thầm tâm niệm trước bàn thờ chồng, không còn tính cao ngạo như trước.

Vả lại những bạn bè thân tình khi trước đều lưu lạc tha phương, không gặp ai để vui cười ngâm vịnh nữa. Chỉ có một lần đi rẽ qua một ngõ nhỏ để ra bờ

sông, thấy mấy bà sì sụp lễ bái trước một ngôi đền đặt trên chòi cao khói hương nghi ngút, nàng ghé vào xem tấm bảng trên cửa ngoài, mới biết là thờ Sầm Nghi Đống, thái thú bị vùi thây trên gò Đống Đa dạo nào. Liên hỏi mấy bà đi lễ:

- Đây là nơi thờ của người Tàu, sao các bà lại đến vái lạy làm gì?

Mới biết là người Tàu sau khi tìm ra được thây họ Sầm còn bọc trong quần áo tướng võ, đã xây mộ trên gò, rồi lập đền ở đây và loan truyền là thiêng lắm. Mấy bà kia sợ dĩ đến lễ tạ, vì mấy đứa trẻ nhỏ đi chăn trâu trên gò, đã vô ý bài tiết trên mộ Sầm nên khi về nhà bị sốt mê man...

Nàng bực mình, khẩu chiếm mấy câu:

Ghé mắt trông sang thấy bảng treo

Kìa đền thái thú đứng cheo leo

Ví đây đôi phận làm trai được

Thì sự anh hùng há bấy nhiêu!

Anh hùng nổi gì? Bị quân ta giết chết, lại đi trả thù mấy đứa trẻ nít...

* * *

Xuân Hương sống heo hút thế mà thâm thoát đã hơn mười năm qua. Đến lúc an ninh trở lại thì đã sang mấy năm Gia Long rồi! Sự ổn định không phải do tài vua mới, mà chỉ là qua bao thời giặc giã, nhân dân chán nản cảnh lục đục gây gổ, nên nước lòng hòa hoãn để xây dựng lại quê hương.

Nói đến quê hương, nàng sức nghĩ: mình tuy sinh trưởng ở đất Bắc nhưng mang dòng máu miền Trung, bấy lâu nay lận đận chưa bao giờ thăm được nơi gốc gác, bây giờ bình yên cũng nên thu xếp về chơi một phen cho biết. Đường bộ nhọc nhằn, thân gái khó bề kham nổi, nàng liền cùng bà vú ra bên Nửa hỏi ngày có chuyến vào Nghệ, rồi về sắm sửa hành lý, hai người dắt nhau đúng hẹn xuống thuyền.

Gần trưa, thuyền gặp nơi khúc sông hẹp lại: hai bờ, hai quả núi sừng sững

châu đầu vào nhau. Xuân Hương thường nghe nói vùng Kẻ Sở có đoạn sông gọi là Kẽm Trống, liền xướng lên câu hỏi:

*Hai bên thì núi, giữa thì sông
Có phải đây là Kẽm Trống không?
Thấy lái thuyền bảo đúng, nàng tiếp:
Gió đập cành cây khua lác cắc
Sóng dồn mặt nước vỗ long bong
Ở trong hang đá còn hơi hẹp
Ra khỏi đầu non đã rộng thùng
Qua cửa mình ơi, nên ngắm lại
Nào ai có biết nổi bùng bùng!
Bác lái trở mắt:*

- Ủa, cô làm thơ? Vậy là giỏi thiệt chứ phải chơi!

Nhưng bà vú lắm bả, chỉ đủ Xuân Hương nghe:

- Mười mấy năm rồi, rộng hẹp, cửa mình cửa ta, bùng bùng bùng bít, chỉ ông phủ biết là đủ rồi, nhắc mãi làm chi?

- U ơi, em nói để những ai hay nghĩ đâu đâu muốn hiểu sao thì hiểu, cho bỏ cái tiếng yêu tinh thần nữ họ đặt cho mình, còn lòng em, bấy lâu nay thế nào, u đã thừa rõ...

Từ đây vào Quỳnh Lưu, hai người được lái thuyền ưu đãi, hành khách nể vì, nên cuộc hành trình chấm dứt trong vui vẻ thoải mái.

Lên bộ, nhìn quanh mình, quang cảnh thật tiêu điều: vết thương chiến sự chưa hàn gắn được hết, ruộng vườn nứt nẻ, nhà cửa đổ nát hãy còn nhiều, dân chúng lại thưa thớt, hình như số đông đã chạy về tỉnh thành cho dễ sống hơn. Dạo dẫm mãi mới tìm ra mấy gia đình họ Hồ, thì những người ít tuổi không hiểu gì chuyện cũ đã đành, ngay những người năm sáu mươi cũng không nhớ được gì chính xác.

Lòng buồn rười rượi, Xuân Hương cùng bà vú tản bộ các nơi, xem phong cảnh cho khuây. Đi qua một nơi gọi là Cửa Đó, nàng mỉm cười:

- Cửa gì là Cửa Đó? Làm cho em nghĩ đến Cửa Đây!

Bà vú lẩm bẩm:

- Em chỉ thế thôi, không lúc nào nghĩ gì cho đúng đắn cả...

Thì u trông đấy: hai quả núi kia giáp nhau, ngọn ngửa ra mà chân chụm lại, có khác gì cái hom[8]để ngược, từng thu hút vua chúa cùng văn nhân quân tử không? Cho nên em bảo:

Khéo khen ai đẽo đá chênh vênh, Tra hom ngược để đơm người đế bá

Gớm con Tào lừa cơ tem hẻm, Rút nút xuôi cho lọt khách cổ kim

* * *

Đương dạo chơi, một hôm Xuân Hương chợt nhớ ra hồi trước chiêu Hồ vào làm quan trong này, bèn tìm đến một hai phủ huyện hỏi thăm đám nha lại, thì được biết họ Phạm đã thăng thuyên từ lâu, hiện giữ chức lớn ở Phú Xuân. Thấy đường xa cũng ngại, vả lại đi thăm cậu chiêu chỉ để biết hiện tình bạn cũ mà thôi chứ không dự tính gì hết. Nhưng cất công vào đây chẳng được việc gì thì ra về sao đành? Nghe nói dọc đường non cao biển rộng, nhiều nơi hùng vĩ, nên lại nức lòng, đi cho biết đó biết đây.

Qua đèo Ba Dội, nàng vừa trèo vừa ngâm:

Một đèo... một đèo... lại một đèo

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo

Cửa son đỏ loét, tum hum nóc

Sườn đá xanh rì, lún phún rêu

Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc

Đầm đĩa lá liễu giọt sương gieo

Văn nhân quân tử ai là chẳng

Mỏi gối chôn chân... vẫn muốn trèo!

Tới được Phú Xuân rồi thì thăm tin cũng dễ: họ Phạm đương làm quan lớn trong viện Hàn Lâm[9]Tìm đến cửa viện, xin vào yết kiến, thì lính canh quát tháo:

- Các cụ lớn mật thiệt! Cụ lớn đây nghiêm lắm, đã ra lệnh không bao giờ cho đàn bà vào dinh, thôi lui đi đừng kêu nài vô ích!

Xuân Hương liền viết tên vào tờ hoa tiên, rồi khấn khoản nói với tên lính:

- Thôi, chúng tôi cũng chẳng dám vào quấy nhiễu cụ lớn. Chỉ xin chú làm ơn trình dùm mảnh giấy này.

Nói hai ba lần, tên lính mới bằng lòng cầm giấy đi. Một lát sau, hắn trở ra, trả lại tờ hoa tiên. Xuân Hương liếc mắt qua, thấy dưới tên mình có hai dòng rõ là nét của "hùm":

Rày đã làm cha thằng xích tử

Thôi thì dù mẹ cái hồng nhan

Hai câu thật sỗ sàng nhưng nàng không giận, còn mừng rằng cụ lớn chưa bị chồn quyền môn làm mất bản sắc, vẫn còn lối cù nhầy như trước, liền mỉm cười lấy giấy viết một vế đối để giỡn lại:

Mặc áo giáp, giải cài chữ đỉnh, Mậu kỹ canh, khoe mình là quý

Lại nhờ lính đem trình. Khoảnh khắc, lính cầm ra tờ giấy của mình như trước, thêm có vế đối lại:

Làm dĩ càn, tai đeo hạt khảm, Tôn li đoài, khéo nói rằng khôn

Rõ là nàng dụng ý gọi chàng bằng đỉnh là đứa thì chàng cũng chẳng tha gì, không chê nàng là đi! Nhưng đều tuyệt diệu lấy trong 12 chi đối lại chữ trong 10 can, mà hàm được hai câu chửi rửa đối nhau.

Vừa xem qua, lại nghe lính nói:

- Thôi về đi? Cụ lớn truyền không được đưa giấy tờ gì vào nữa!

Xuân Hương giận tím mặt, kéo bà vú ra về, lắm bầm:

- Quân này ba que thật, u ả! Hễ trèo lên được bậc thang danh vọng là mất hết

tình người? Đạo đức của chúng là thế đấy, có khác gì cái áo cà sa khoác ngoài mà bên trong chỉ là con thú! Chỉ tiếc rằng khi biết mặt thật của những người mình tin yêu thì mình đã già rồi...

Không có cái buồn nào thấm thía hơn cái buồn của Xuân Hương trên đường từ già Phú Xuân lặn đạn trở về Thăng Long. May được bà vú khuyên giải vỗ về nên cũng dần dần khuây khỏa.

Từ khi uể oải trở về phố Lý Quốc Sư, những lúc đêm khuya một mình một bóng trước đĩa đèn dầu leo lét sợi bấc đã gần xơ, mỗi tiếng trống cầm canh từ bên huyện Thọ Xương vẳng đến lại gieo vào tâm tư một nỗi quạnh hiu chán chường, khiến Xuân Hương viết ra lời thơ ghen ngào chua xót:

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn

Xuyên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mấy hòn

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con...

Hồi tưởng những gặp gỡ, những chia ly, những mừng giận, yêu thương, những bông bột bông cháy nhưng vừa bùng đã tắt, đám rêu hòn đá đâm toạc xuyên ngang cũng chỉ cung ứng cho sự đòi hỏi được một chút con con, nằng cằng ngán cho phận mình, lại càng xót xa cho số kiếp má hồng...

Thế rồi qua những cuộc tỉnh say vội vã, bóng trăng khuyết vẫn chưa tròn, mà quanh mình lại điều ong tiếng ve mai mỉa là lẳng lơ sa đọa, lòng nằng cảm thấy tràn đầy oán hận:

Tiếng gà văng vẳng gáy trên hom

Oán hận trông ra khắp mọi chòm

*Mỡ thấm không khua mà cũng "cốc"
Chuông sầu chẳng đánh có sao "om"?
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ
Sau giận vì duyên để mồm mòm
Tài tử văn nhân ai đó tá
Thân này đâu đã chịu già tom!*

Nỗi oán hận của nàng không cách nào giải tỏa vì bị thể chất chi phối, chỉ thời gian mới dần dần làm phai mờ đi trong sắc thái bi quan, khiến nàng rồi không tha thiết gì nữa, chỉ còn lạnh lùng chán ghét mọi sự mà thôi.

Câu "*thân này đâu đã chịu già tom*" có vẻ thách thức con tạo, thực ra chỉ để tự an ủi mình, vì một khi "bóng đã vân vân xế chiều chỉ ngán sao được màu thời gian điểm trên mái tóc, nếp vào đuôi mắt, và như sau này Tản Đà đã mách: Chờ chiều hôm kẻ cấp lăng thừa dân! Bây giờ khách ngưỡng mộ chỉ tới lui trong địa hạt văn chương, mà ngay trong địa hạt này, khi đề cập đến "xuân tình" đến "thú vui" cũng không còn hứng thú như thuở đương hơ hớ!

Cho nên mình "không chịu già tom" mà rồi hoàng hôn đổ xuống, bóng giai nhân lặng lẽ chìm dần, chìm dần rồi tan biến vào quên lãng... Đến nỗi sau này không còn ai biết nàng đã lìa trần vào ngày, tháng, năm nào, bao nhiêu thi phẩm có bản thảo nào lưu lại.

Nhưng bản thảo nào quý bằng sự truyền khẩu đời đời thích thú của quốc dân!

VỐN DÒNG THI LỄ

(Viết về nữ sĩ Hồ Xuân Hương)

VÀI NHẬN XÉT VỀ THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG

Đặc tính thơ Hồ Xuân Hương là kêu gọi nhục thể, một sự kêu gọi không pha màu lý trí hay thần bí như ta từng gặp trong tác phẩm của những thi nhân được gọi là uớt át. Kêu gọi ở đây là đề cập đến khoái cảm nhục dục một cách tha thiết, mà nhà phân tâm học có thể cho là một trạng thái thần kinh bị ám ảnh, hay một sự bất mãn khiến cho thêm khát thỏa mãn. Dùng những hình ảnh táo bạo, những lời nói bóng gió, nữ sĩ đã không kiêng nể gì các điều cấm kỵ của Khổng giáo đương được tôn sùng, và như vậy là đã vượt xa ra ngoài khuôn khổ của thời đại. Nhưng nguồn cảm hứng, thì lại gần gũi với gốc gác bình dân của nàng. Những phụ nữ nghèo và cô đơn hay có thái độ đánh liều hoặc/àm già nhiều khi đến trơ trẽn cũng không ngại. Nàng thì hơn các bạn này nhờ thông minh và học thức. Khiếu làm thơ của nàng vốn đã kiệt xuất lại được hỗ trợ bằng những từ ngữ vừa giản dị, vừa tự nhiên, vừa có âm điệu êm ái như ca dao, làm cho câu thơ dễ ngâm nga, dễ nhớ, do đó mà lan rộng mau lẹ ra quảng đại quần chúng. Nói đến âm điệu thì tiếng Việt ta vốn là do hài âm mà thành nên bằng trắc hòa hợp cốt sao cho thuận tai, vì thế: thượng bình thanh đi với dấu sắc dấu hỏi, bình thanh với dấu nặng dấu ngã, thí dụ: đo đó - đo đỏ - đo đỏ, đo đỏ. Những chữ đôi cũng như hai chữ đi liền nhau, nếu chữ trên thượng bình thì chữ sau phải dấu sắc

dấu hỏi, mà bình thanh thì dấu nặng dấu ngã. Nhiều bài thơ rất hay và đúng niêm luật nhưng không đúng với bằng trắc riêng của tiếng ta, thành ra mang bệnh khổ độc, khó ngâm, thành ra khó nhớ. Luật bằng trắc này sẵn có trong lời nói tự nhiên. Thơ Xuân Hương phần nhiều ứng khẩu mà ra, nên cũng tự nhiên mà bằng trắc tiếp nhau đúng điệu.

Bản tính của Xuân Hương là luôn luôn chống đối. Các nhà nho đương thời động nói hay viết là dùng chữ Hán cho ra vẻ thông thái. Thế là nàng dùng tiếng ta đối lại để diễn tả những điều tế nhị bóng bẩy chẳng kém gì chữ Hán: do đó nàng đã nâng tiếng nôm nàng của ta lên hàng thể thức văn chương. Hành động chối bỏ lẽ lối của phần đông, cũng là một cử chỉ đáng trọng. Thế thôi, chứ cho Xuân Hương là một nhà cách mạng, e rằng quá lạm. Vì rằng sống trong buổi loạn ly (cuối Hậu Lê 1786- 1789, Tây Sơn 1778-1801) qua cuộc chiến thắng vĩ đại của Nguyễn Huệ, nàng không một câu về thời cục, chỉ đả động phớt qua về Sầm Nghi Đống sau khi hấn đã chết.

Suốt đời nàng chỉ loanh quanh trong cuộc nhân sinh tầm thường: khổ tâm về cảnh lẽ mọn, nàng không chống chế độ đa thê; buộc phải lấy chồng vì lẽ sống, nàng đành dẹp bỏ sự đòi hỏi của lòng riêng. Trước sau nàng chỉ một chữ dằn. Tuy có quấy mình nhưng không hăng hái, không quyết liệt, nàng phản kháng bằng nhạo báng, gây tai tiếng bằng những từ ngữ phô bày lấp ló hoặc nói trại nói lái.

Như vậy, tưởng chẳng nên gán cho nàng những cao vọng mà nàng không có, mà chỉ coi nàng là một nữ sĩ bất phục tòng, đã trả thù xã hội quanh mình bằng thứ khí giới văn chương thật đặc sắc. Nàng đã yêu thương, đã đau khổ như bao người khác, song chỉ riêng nàng để lại cho chúng ta nụ cười chế diễu vừa ngạo nghễ và thác loạn.

Chỉ bấy nhiêu cũng đủ cho chúng ta cảm mến và tán thưởng.

Lãng Nhân

-
- [1]Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ: một tấm lòng băng trong ngọc hồ
- [2]Con vồ: mèo hay khỉ hay vồ thức ăn - băng tâm cái con vồ: không còn băng tâm gì nữa
- [3]Sạch nước cản: trong phép đánh cờ thế, mã đi ô chữ nhật, tượng đi ô chữ điền, xe đi liền, pháo đi cách, không đi được như thế tất là bị cản. Sạch nước cản là biết những điều chính trong phép đánh cờ, chứ chưa nói đến cao thấp. Đây có nghĩa là người hiểu biết đại khái, có thể nói chuyện được.
- [4]Bánh trôi nước: bột gạo giã thật mịn, bọc viên đường nhỏ, thả vào nồi nước đun thật sôi cho chín, vớt bày ra đĩa nước lạnh, làm món ăn ngày Hàn thực.
- [5]Chiêu: tiếng tôn xưng con nhà quan.
- [6]Dịch đình dương xa: xe dê trong cung vua (xem cung oán: xe dê lợ rắc lá dâu mới vào!)
- [7]Phố Lý Quốc Sư, thời Pháp gọi là đường Lamblol, có đền thờ Lý Quốc sư tức là Nguyễn Minh Không. 24 - Đền thiết lập ở trong một ngõ, sau này gọi là Ngõ Sầm Công.
- [8]Hom: những thanh tre buộc chụm lại một đầu, đầu kia để lỏng, tỏa rộng ra để úp xuống nước bắt cá. Nếu để ngược lên thì khó biết là hình gì... (hình tam giác mà đầu ở dưới)
- [9]Phạm Đình Hổ bấy giờ làm chức hành tẩu trong viện Hàn Lâm. Đến đời Minh Mạng, được vời làm Tế tửu - Quốc tử giám, vì có tác phong đạo đức!

Nguồn: Doitynan
Được bạn: Thành Viên VNthquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003